



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu -  
Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2023



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Thông tin về Tổng Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký  
Doanh nghiệp số**

0300583659

ngày 29 tháng 2 năm 2012

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300583659 ngày 22 tháng 12 năm 2023. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Koh Poh Tiong	Chủ tịch
Ông Pramoad Phornprapha	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Vỹ	Thành viên
Ông Michael Chye Hin Fah	Thành viên
Bà Trần Kim Nga	Thành viên
Ông Lê Thanh Tuấn	Thành viên
Bà Ngô Minh Châu	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Tan Teck Chuan Lester	Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 10 năm 2023)
Ông Neo Gim Siong Bennett	Tổng Giám đốc (đến ngày 30 tháng 9 năm 2023)
Ông Koo Liang Kwee	Phó Tổng Giám đốc
Bà Teoh Kim Wei	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31 tháng 3 năm 2024)
Ông Ng Kuan Ngee Melvyn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lâm Du An	Phó Tổng Giám đốc Giám đốc Nhà máy Bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh

**Ủy ban Kiểm toán**

Ông Pramoad Phornprapha	Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán
Ông Nguyễn Tiến Vỹ	Thành viên
Ông Michael Chye Hin Fah	Thành viên

**Người đại diện theo Pháp luật**

Ông Koh Poh Tiong	Chủ tịch
Ông Tan Teck Chuan Lester	Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 10 năm 2023)
Ông Neo Gim Siong Bennett	Tổng Giám đốc (đến ngày 30 tháng 9 năm 2023)

**Trụ sở đăng ký**

Số 187, Đường Nguyễn Chí Thanh  
Phường 12, Quận 5  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.


Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 72 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 



  
Đan Teck Chuan Lester  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2024





KPMG Limited Branch  
10th Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 3 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 72.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-01-00360-24-4



Triệu Tích Quyền

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 4629-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Chang Hung Chun

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0863-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2024



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>26.553.405.591.714</b>	<b>26.860.224.573.663</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>5.039.908.030.600</b>	<b>4.069.464.160.642</b>
Tiền	111		1.423.048.778.559	985.364.551.928
Các khoản tương đương tiền	112		3.616.859.252.041	3.084.099.608.714
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>17.741.052.417.665</b>	<b>19.411.469.500.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	17.741.052.417.665	19.411.469.500.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.229.401.278.553</b>	<b>897.692.694.315</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	467.366.764.227	337.852.269.601
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		33.281.517.536	68.059.544.421
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	1.024.557.397.376	787.397.107.956
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10(a)	(295.804.400.586)	(295.616.227.663)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11(a)</b>	<b>2.317.504.988.808</b>	<b>2.193.521.139.336</b>
Hàng tồn kho	141		2.393.084.700.363	2.272.494.533.814
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(75.579.711.555)	(78.973.394.478)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>225.538.876.088</b>	<b>288.077.079.370</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12(a)	172.231.752.858	181.976.694.088
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		39.069.181.550	83.098.195.190
Thuế phải thu Nhà nước	153	20(b)	14.237.941.680	23.002.190.092

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

15/11/2023

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>7.503.219.247.991</b>	<b>7.604.851.042.093</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>34.701.581.051</b>	<b>37.720.028.871</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		5.948.610.516	5.948.610.516
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	35.152.681.051	46.171.128.871
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	10(b)	(6.399.710.516)	(14.399.710.516)
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.969.724.119.615</b>	<b>4.454.982.147.731</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	13	2.889.608.860.338	3.368.981.633.235
<i>Nguyên giá</i>	222		11.488.317.326.965	11.440.080.558.923
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(8.598.708.466.627)	(8.071.098.925.688)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	14	157.031.248.423	162.261.801.964
<i>Nguyên giá</i>	225		173.582.726.065	173.582.726.065
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(16.551.477.642)	(11.320.924.101)
Tài sản cố định vô hình	227	15	923.084.010.854	923.738.712.532
<i>Nguyên giá</i>	228		1.114.711.740.504	1.104.146.819.271
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(191.627.729.650)	(180.408.106.739)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>16</b>	<b>279.064.752.080</b>	<b>153.128.987.010</b>
<i>Nguyên giá</i>	231		311.098.622.085	182.935.850.984
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(32.033.870.005)	(29.806.863.974)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>143.919.308.285</b>	<b>133.548.179.000</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	143.919.308.285	133.548.179.000
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.287.392.366.503</b>	<b>2.214.115.381.757</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	252	7(c)	2.230.183.930.616	2.187.829.955.465
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	7(c)	434.314.271.916	434.314.271.916
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	7(c)	(416.325.836.029)	(410.128.845.624)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	7(b)	39.220.000.000	2.100.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>788.417.120.457</b>	<b>611.356.317.724</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	12(b)	550.304.398.466	383.451.267.863
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	18	206.419.744.522	208.458.818.061
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	11(b)	31.692.977.469	19.446.231.800
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>34.056.624.839.705</b>	<b>34.465.075.615.756</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>8.571.466.944.838</b>	<b>9.874.229.696.363</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>8.224.608.450.196</b>	<b>9.213.862.412.096</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19(a)	2.476.372.806.838	2.766.280.031.591
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		44.800.935.324	36.931.211.976
Thuế phải nộp Nhà nước	313	20(a)	1.358.515.637.834	1.621.018.056.957
Phải trả người lao động	314		235.426.444.878	190.033.628.709
Chi phí phải trả	315	21	486.177.414.768	514.267.263.343
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	229.844.154
Phải trả ngắn hạn khác	319	22(a)	2.898.696.098.647	3.204.086.244.845
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23(a)	530.129.396.183	658.625.815.321
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		119.220.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	194.370.495.724	222.390.315.200
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>346.858.494.642</b>	<b>660.367.284.267</b>
Phải trả người bán dài hạn	331	19(b)	100.000.000	120.060.956.800
Phải trả dài hạn khác	337	22(b)	55.725.069.062	55.421.713.745
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23(b)	170.828.414.155	374.432.513.250
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	18	50.792.760.595	36.557.237.521
Dự phòng phải trả dài hạn	342	25	69.412.250.830	73.894.862.951

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>25.485.157.894.867</b>	<b>24.590.845.919.393</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>26</b>	<b>25.485.157.894.867</b>	<b>24.590.845.919.393</b>
Vốn cổ phần	411	27	12.825.623.720.000	6.412.811.860.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.825.623.720.000	6.412.811.860.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.208.666.226	3.208.666.226
Chênh lệch tỷ giá quy đổi tiền tệ	417		43.954.201.299	37.136.373.047
Quỹ đầu tư và phát triển	418	28	1.122.241.373.127	1.122.241.373.127
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.217.284.050.181	15.564.895.669.872
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		6.222.786.077.389	10.484.212.358.663
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		3.994.497.972.792	5.080.683.311.209
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.272.845.884.034	1.450.551.977.121
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>34.056.624.839.705</b>	<b>34.465.075.615.756</b>

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Hoàng Thanh Vân  
Kế toán



Trần Nguyên Trung  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Koo Liang Kwee  
Phó Tổng Giám đốc



Tan Teck Chuan Lester  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 02 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 ngày 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>31</b>	<b>30.706.760.090.689</b>	<b>35.235.899.123.781</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>31</b>	<b>245.392.808.474</b>	<b>256.815.129.946</b>
<b>Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>31</b>	<b>30.461.367.282.215</b>	<b>34.979.083.993.835</b>
<b>Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp</b>	<b>11</b>	<b>32</b>	<b>21.370.004.777.980</b>	<b>24.208.377.066.751</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>9.091.362.504.235</b>	<b>10.770.706.927.084</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	1.432.568.520.354	1.090.560.762.647
Chi phí tài chính	22	34	73.433.682.681	81.993.117.030
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>50.214.725.919</i>	<i>45.517.297.000</i>
Phần lãi trong công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	24	7(c)	232.053.894.657	323.119.361.276
Chi phí bán hàng	25	35	4.479.227.839.581	4.532.068.273.139
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	800.691.619.935	740.665.660.468
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	<b>30</b>		<b>5.402.631.777.049</b>	<b>6.829.660.000.370</b>
Thu nhập khác	31		17.484.692.469	20.990.166.318
Chi phí khác	32		49.706.065.223	37.232.847.726
<b>Kết quả từ các hoạt động khác</b> (40 = 31 - 32)	<b>40</b>		<b>(32.221.372.754)</b>	<b>(16.242.681.408)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b> (50 = 30 + 40)	<b>50</b>		<b>5.370.410.404.295</b>	<b>6.813.417.318.962</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>38</b>	<b>1.099.082.811.973</b>	<b>1.323.982.218.726</b>
<b>Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>38</b>	<b>16.274.596.613</b>	<b>(10.362.877.048)</b>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN</b> (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	<b>60</b>		<b>4.255.052.995.709</b>	<b>5.499.797.977.284</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 02 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 ngày 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN</b> (60 = 50 - 51 - 52) (mang từ trang trước sang)	60		4.255.052.995.709	5.499.797.977.284
<b>Trong đó:</b>				
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		4.117.605.068.688	5.223.851.427.095
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		137.447.927.021	275.946.550.189
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				<b>(Đã điều chỉnh lại)</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	39	3.132	3.974

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Hoàng Thanh Vân  
Kế toán

Người duyệt:



Trần Nguyên Trung  
Kế toán trưởng



Koo Liang Kwee  
Phó Tổng Giám đốc



Tan Teck Chuan Lester  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2023 (Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã</b>	<b>Thuyết</b>	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>số</b>	<b>minh</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>5.370.410.404.295</b>	<b>6.813.417.318.962</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		570.032.022.357	561.105.325.398
Các khoản dự phòng	03		3.417.866.623	(375.364.909)
Lãi/(lãi) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		8.344.264.858	(6.770.234.675)
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05		(1.393.861.414.492)	(1.030.693.700.071)
Phần lãi trong công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	05		(232.053.894.657)	(323.119.361.276)
Chi phí lãi vay	06		50.214.725.919	45.517.297.000
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>4.376.503.974.903</b>	<b>6.059.081.280.429</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		(39.584.410.728)	(318.889.338.291)
Biến động hàng tồn kho	10		(135.490.197.099)	(524.913.148.727)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(787.119.601.677)	739.396.642.915
Biến động chi phí trả trước	12		(146.695.187.651)	(94.057.434.127)
			<b>3.267.614.577.748</b>	<b>5.860.618.002.199</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(50.352.399.174)	(48.765.455.244)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.099.769.434.435)	(1.329.727.378.601)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(177.428.635.660)	(103.607.745.314)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>1.940.064.108.479</b>	<b>4.378.517.423.040</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2023 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã</b>	<b>Thuyết</b>	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>số</b>	<b>minh</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(283.734.894.513)	(533.164.261.997)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		2.485.031.224	4.266.273.000
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(17.562.407.857.117)	(22.641.269.675.342)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24		19.195.704.939.452	20.288.539.175.342
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		1.363.536.248.562	1.013.860.242.106
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>2.715.583.467.608</b>	<b>(1.867.768.246.891)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		4.130.545.304.850	3.279.890.701.619
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(4.461.477.622.999)	(2.908.733.012.244)
Tiền chi trả cổ tức	36		(3.354.092.726.063)	(2.418.865.072.091)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(3.685.025.044.212)</b>	<b>(2.047.707.382.716)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>970.622.531.875</b>	<b>463.041.793.433</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>4.069.464.160.642</b>	<b>3.606.454.403.209</b>
<b>Ảnh hưởng thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>		<b>(178.661.917)</b>	<b>(32.036.000)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>6</b>	<b>5.039.908.030.600</b>	<b>4.069.464.160.642</b>

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Hoàng Thanh Vân  
Kế toán

Người duyệt:



Trần Nguyên Trung  
Kế toán trưởng



Koo Liang Kwee  
Phó Tổng Giám đốc



Tan Teck Chuan Lester  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này





**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) được thành lập dưới hình thức Tổng Công ty Nhà nước theo Quyết định số 74/2003/QĐ-BCN do Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) ban hành ngày 6 tháng 5 năm 2003 trên cơ sở tổ chức lại Công ty Bia Sài Gòn và chuyển các đơn vị bao gồm Công ty Rượu Bình Tây, Công ty Nước Giải Khát Chương Dương và Công ty Thủy tinh Phú Thọ thành các đơn vị thành viên của Tổng Công ty. Vào ngày 11 tháng 5 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 37/2004/QĐ-BCN tái cơ cấu lại Tổng Công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Hoạt động của Tổng Công ty được cấp phép theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4106000286 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 9 năm 2006.

Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1862/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4103010027 vào ngày 17 tháng 4 năm 2008. Tại ngày này, Tổng Công ty dưới hình thức là công ty cổ phần mới thành lập đã nhận bàn giao toàn bộ tài sản và nợ phải trả từ Tổng Công ty Nhà nước.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán SAB theo Quyết định Niêm yết số 470/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 11 năm 2016.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và các sản phẩm liên quan, bao gồm vật liệu và bao bì; cung cấp dịch vụ vận tải, hậu cần và kho bãi; sản xuất sản phẩm cơ khí, xây dựng kết cấu thép, và cung cấp dịch vụ cơ khí lắp đặt; và xây dựng và cung cấp dịch vụ bất động sản.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(d) Cấu trúc Tập đoàn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn có 26 công ty con và 18 công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (1/1/2023: 26 công ty con và 18 công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát), chi tiết như sau:

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	31/12/2023		1/1/2023	
			% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết	% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết
<b>I</b>	<b>Công ty con</b>					
1	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	Sản xuất và kinh doanh bia	70,55%	70,55%	51,00%	51,00%
2	Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương	Sản xuất, kinh doanh nước giải khát, đồ hộp và phụ liệu	62,06%	62,06%	62,06%	62,06%
3	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	Sản xuất và kinh doanh bia	66,56%	66,56%	66,56%	66,56%
4	Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	Sản xuất và kinh doanh rượu	93,32%	93,47%	93,32%	93,47%
5	Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	Sản xuất và kinh doanh bia và nước giải khát có ga	55,90%	56,24%	55,90%	56,24%
6	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	54,73%	54,73%	54,73%	54,73%
7	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	Sản xuất và kinh doanh bia và nước giải khát; xuất nhập khẩu các nguyên vật liệu liên quan	68,78%	68,78%	68,78%	68,78%
8	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh bia và nước giải khát; xuất nhập khẩu các nguyên vật liệu liên quan	52,11%	52,11%	52,11%	52,11%
9	Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	100%	100%	100%	100%
10	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa và cho thuê kho bãi	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%
11	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa và cho thuê kho bãi	95,07%	95,07%	95,07%	95,07%
12	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung tâm	Bán buôn bia, đồ uống có cồn; bán buôn đồ uống không có cồn; bán buôn hóa chất khác, cồn; mua bán bao bì; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô	94,45%	94,45%	94,45%	94,45%
13	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; kinh doanh kho bãi và dịch vụ vận tải hàng hóa bằng ô tô	91,24%	91,24%	91,24%	91,24%



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	31/12/2023		1/1/2023	
			% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết	% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết
14	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; cung cấp dịch vụ kho bãi và dịch vụ vận chuyển	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%
15	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; cung cấp dịch vụ kho bãi và dịch vụ vận chuyển	90,14%	90,14%	90,14%	90,14%
16	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông	Kinh doanh bia, rượu, nước giải khát; cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy	90,68%	90,68%	90,68%	90,68%
17	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	Kinh doanh bia, rượu, nước giải khát; cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi và dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%
18	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	Kinh doanh bia, rượu, nước giải khát; cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ và đường thủy	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%
19	Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co	Chế tạo máy móc dùng cho sản xuất thực phẩm; lắp đặt và bảo trì hệ thống máy móc thiết bị	100%	100%	100%	100%
20	Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng (**)	Sản xuất và kinh doanh bia, mạch nha ủ lên men, nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai	70,55%	100%	51,00%	100%
21	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc	Kinh doanh bia, rượu, nước giải khát; cung cấp dịch vụ kho bãi và dịch vụ vận chuyển hàng hóa	90,45%	90,45%	90,45%	90,45%
22	Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	Sản xuất và kinh doanh bia, mạch nha ủ lên men, nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai	100%	100%	100%	100%
23	Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	Sản xuất và kinh doanh nắp khoén thiếc và bao bì kim loại, bao bì phục vụ ngành đồ uống thực phẩm	76,81%	76,81%	76,81%	76,81%
24	Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn	Bán buôn bia, rượu và nước giải khát	100%	100%	100%	100%
25	Công ty TNHH Một Thành viên Tập đoàn Bia Sài Gòn	Bán buôn bia, rượu và nước giải khát	100%	100%	100%	100%
26	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	52,91%	52,91%	52,91%	52,91%



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	31/12/2023		1/1/2023	
			% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết	% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết
<b>II</b>	<b>Công ty liên kết</b>					
1	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư - Thiết kế và Chuyên giao Công nghệ Thành Nam (**)	Cung cấp dịch vụ tư vấn xây dựng và thiết kế	28,57%	28,57%	28,57%	28,57%
2	Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực - Thực phẩm Trường Sa	Sản xuất sản phẩm nông nghiệp và thực phẩm	38,62%	38,98%	38,62%	38,98%
3	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	30,84%	33,85%	30,84%	33,85%
4	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, cồn, nước giải khát và phụ tùng thay thế	32,40%	32,41%	32,40%	32,41%
5	Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tân Thành	Xây dựng và kinh doanh bất động sản	29,00%	29,00%	29,00%	29,00%
6	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp (**)	Sản xuất, lắp đặt các sản phẩm máy móc cầu đường và xây dựng công nghiệp	26,00%	26,00%	26,00%	26,00%
7	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%
8	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, cồn, nước giải khát và phụ tùng thay thế	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%
9	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, cồn, nước giải khát và phụ tùng thay thế	26,00%	26,00%	26,00%	26,00%
10	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%
11	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây (**)	Sản xuất, gia công và kinh doanh thực phẩm, nước giải khát, bia và nước uống có cồn	21,80%	22,18%	21,80%	22,18%
12	Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô (**)	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát, sữa đậu nành và nước ép trái cây	29,47%	34,92%	27,62%	34,92%
13	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu (**)	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	14,11%	20,00%	10,20%	20,00%

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	31/12/2023		1/1/2023	
			% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết	% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết
<b>III Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát</b>						
14	Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh (*)	Cho thuê và quản lý cao ốc văn phòng	25,00%	25,00%	25,00%	25,00%
15	Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	Sản xuất lon nhôm	30,00%	30,00%	30,00%	30,00%
16	Công ty TNHH Thủy Tinh Malaya Việt Nam	Sản xuất các sản phẩm thủy tinh	30,00%	30,00%	30,00%	30,00%
17	Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bao bì đóng gói bằng kim loại	35,00%	35,00%	35,00%	35,00%
18	Công ty TNHH Sản xuất Rượu và Cồn Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh rượu và các sản phẩm nước uống có cồn	45,00%	45,00%	45,00%	45,00%

(\*) Quyền sở hữu của Tập đoàn trong liên doanh với Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh được quy định tại Hợp đồng Liên doanh ngày 24 tháng 11 năm 1994 giữa Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương (“Chương Dương”), một công ty con của Tổng Công ty, và bên đối tác là Centrepoint Properties Ltd., một công ty được thành lập tại Singapore. Tại thời điểm cổ phần hóa Chương Dương vào năm 2014, quyền sở hữu của Hợp đồng Liên doanh này được chuyển giao từ Chương Dương sang Tổng Công ty theo phê duyệt của Bộ Công Nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Theo quy định tại Hợp đồng Liên doanh, lợi nhuận được phân chia cho các bên theo lịch biểu quy định trong hợp đồng này. Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, tỷ lệ lợi ích chia cho Tập đoàn và bên đối tác lần lượt là 40% và 60% (2022: 40% và 60%).

(\*\*) Công ty con và các công ty liên kết sở hữu gián tiếp.

Tỷ lệ quyền sở hữu thể hiện cả tỷ lệ quyền sở hữu trực tiếp và gián tiếp của Tập đoàn trong các công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tất cả các công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn có 8.139 nhân viên (1/1/2023: 8.550 nhân viên).

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

### **(a) Cơ sở hợp nhất**

#### **(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

**(iii) Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)**

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định chiến lược về tài chính và hoạt động.

Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

**(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các giao dịch và số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(v) Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Bất kỳ khoản lợi thế thương mại nào phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất, sau đó được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm phát sinh giao dịch mua sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp việc cân nhắc tất cả thông tin có tại ngày mua.

**(b) Ngoại tệ**

**(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Quy đổi báo cáo tài chính của công ty liên kết từ đơn vị tiền tệ kế toán sang đơn vị tiền tệ báo cáo**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả của công ty liên kết có đơn vị tiền tệ kế toán khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của công ty liên kết được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do quy đổi báo cáo tài chính bằng đơn vị tiền tệ khác VND của công ty liên kết được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá quy đổi tiền tệ” thuộc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty hoặc các công ty con định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tập đoàn có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 45 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 30 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	2 – 15 năm
▪ tài sản khác	2 – 20 năm

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng của quyền sử dụng đất là từ 13 đến 50 năm.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**(i) Bất động sản đầu tư**

**(i) Bất động sản đầu tư đầu tư cho thuê**

*Nguyên giá*

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

*Khấu hao*

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- quyền sử dụng đất 16 – 47 năm
- nhà cửa và vật kiến trúc 5 – 45 năm



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá**

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

**(j) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(k) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Bao bì luân chuyển**

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**(ii) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 32 đến 48 năm.

**(iii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(m) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**(n) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế. Các chi phí này được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(o) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(p) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(iv) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(v) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(q) Thuê**

**(i) Tài sản thuê**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được thuyết minh trong phần chính sách kế toán 3(g).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn.

**(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(r) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(s) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông (sau khi đã trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tập đoàn không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

**(t) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(u) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

**(v) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm trước.



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

#### **4. Báo cáo bộ phận**

##### **(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Bộ phận kinh doanh của Tập đoàn được chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Bán bia;
- Bán nguyên vật liệu; và
- Các hoạt động khác bao gồm bán rượu, nước giải khát và các sản phẩm khác; và cung cấp dịch vụ cho thuê và các dịch vụ khác.

Trong năm, hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày báo cáo chủ yếu phục vụ cho hoạt động sản xuất và kinh doanh bia. Theo đó, thông tin tài chính được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh bia của Tập đoàn. Thuyết minh 31 và Thuyết minh 32 trình bày chi tiết doanh thu và giá vốn của từng loại sản phẩm, vì vậy đã cung cấp đầy đủ thông tin về kết quả hoạt động của mỗi bộ phận kinh doanh như được phân loại ở trên.

##### **(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý**

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Tập đoàn dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Tập đoàn và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn trong lãnh thổ Việt Nam.

#### **5. Giao dịch với cổ đông không kiểm soát**

Vào ngày 27 tháng 4 năm 2023, Tổng Công ty đã mua 2.834.750 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Miền Tây”), một công ty con sở hữu trực tiếp của Tổng Công ty, từ các cổ đông hiện hữu. Sau giao dịch này, tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty trong Miền Tây đã tăng từ 51,00% lên 70,55%.

Giao dịch với cổ đông không kiểm soát có ảnh hưởng như sau:

	<b>VND</b>
Giá trị ghi sổ tương ứng của tài sản thuần được mua	143.004.301.816
Khoản thanh toán cho việc mua lại	(164.654.149.300)
Chênh lệch ghi nhận trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh 26)	<hr/> <hr/> <u>(21.649.847.484)</u>



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1.738.713.116	1.754.761.797
Tiền gửi ngân hàng	1.421.310.065.443	983.609.790.131
Các khoản tương đương tiền	3.616.859.252.041	3.084.099.608.714
	<hr/>	<hr/>
	5.039.908.030.600	4.069.464.160.642
	<hr/>	<hr/>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng. Các khoản tương đương tiền được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 2,30% đến 4,00% một năm (1/1/2023: 5,50% đến 6,00% một năm).

**7. Các khoản đầu tư**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi nhưng không quá 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 3,90% đến 9,20% một năm (1/1/2023: 4,00% đến 9,20% một năm).

**(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất 4,90% một năm (1/1/2023: 9,20% một năm).



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

	31/12/2023			1/1/2023		
	Hạch toán theo vốn chủ sở hữu/ Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Hạch toán theo vốn chủ sở hữu/ Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (i)	2.230.183.930.616	(75.707.513.102)	2.154.476.417.514	2.187.829.955.465	(75.707.513.102)	2.112.122.442.363
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (ii)	434.314.271.916	(340.618.322.927)	93.695.948.989	434.314.271.916	(334.421.332.522)	99.892.939.394
	<b>2.664.498.202.532</b>	<b>(416.325.836.029)</b>	<b>2.248.172.366.503</b>	<b>2.622.144.227.381</b>	<b>(410.128.845.624)</b>	<b>2.212.015.381.757</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(i) Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát**

Tên công ty	31/12/2023			1/1/2023		
	Hạch toán theo vốn chủ sở hữu VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Hạch toán theo vốn chủ sở hữu VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực - Thực phẩm Trường Sa	4.877.957.385	(*)	(4.877.957.381)	4.877.957.385	(*)	(4.877.957.381)
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư - Thiết kế và Chuyên giao Công nghệ Thành Nam	329.653.546	(*)	-	329.653.546	(*)	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	67.293.680.882	46.363.600.800	-	68.198.352.285	71.094.240.000	-
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp	6.863.792.917	(*)	-	6.863.792.917	(*)	-
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	94.249.459.836	(*)	-	97.657.207.690	(*)	-
Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh	116.489.270.590	(*)	-	115.508.698.730	(*)	-
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	700.702.322.675	(*)	-	583.115.732.032	(*)	-
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	316.511.068.418	(*)	-	337.365.757.373	(*)	-
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	67.001.146.482	(*)	-	60.017.545.712	(*)	-
Công ty TNHH Sản xuất Rượu và Cồn Việt Nam	22.831.353.000	(*)	-	37.827.987.750	(*)	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	412.814.261.765	335.588.389.429	-	445.504.575.352	(*)	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	192.997.567.729	357.892.231.000	-	196.057.912.124	429.954.315.350	-
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tân Thành	70.829.555.721	(*)	(70.829.555.721)	70.829.555.721	(*)	(70.829.555.721)
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	37.280.572.663	19.788.568.800	-	39.038.793.663	23.575.552.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	45.606.308.837	(*)	-	50.022.757.187	(*)	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	-	(*)	-	288.988.004	(*)	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	47.812.472.419	(*)	-	47.826.134.802	(*)	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	25.693.485.751	(*)	-	26.498.553.192	(*)	-
	2.230.183.930.616		(75.707.513.102)	2.187.829.955.465		(75.707.513.102)



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát trong năm như sau:

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	2.187.829.955.465	2.010.071.605.619
Lợi nhuận được chia trong năm	232.053.894.657	323.119.361.276
Thu nhập từ cổ tức trong năm	(196.517.747.758)	(155.158.091.616)
Chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ	6.817.828.252	9.797.080.186
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	2.230.183.930.616	2.187.829.955.465



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Tên công ty	31/12/2023			1/1/2023		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	136.265.460.000	(*)	(136.265.460.000)	136.265.460.000	(*)	(136.265.460.000)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn	50.000.000.000	(*)	(4.643.345.605)	50.000.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần PVI	51.475.140.000	21.751.027.200	(29.724.112.800)	51.475.140.000	23.304.672.000	(28.170.468.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Không Gian Ngầm	23.085.000.000	(*)	(23.085.000.000)	23.085.000.000	(*)	(23.085.000.000)
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	30.700.950.000	8.068.340.000	(30.700.950.000)	30.700.950.000	6.721.909.091	(30.700.950.000)
Quỹ đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2	35.757.720.722	(*)	(35.757.720.722)	35.757.720.722	(*)	(35.757.720.722)
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	26.588.267.394	(*)	-	26.588.267.394	(*)	-
Công ty Cổ phần Cồn, Rượu Bình Tây - Việt Nam	300.000.000	(*)	(300.000.000)	300.000.000	(*)	(300.000.000)
Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha Trang	1.161.147.000	(*)	(1.161.147.000)	1.161.147.000	(*)	(1.161.147.000)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt	45.000.000.000	(*)	(45.000.000.000)	45.000.000.000	(*)	(45.000.000.000)
Công ty TNHH Đầu tư Sabeco HP	24.426.586.800	(*)	(24.426.586.800)	24.426.586.800	(*)	(24.426.586.800)
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Đồng Nai	3.954.000.000	(*)	(3.954.000.000)	3.954.000.000	(*)	(3.954.000.000)
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Đồng Hà	5.600.000.000	(*)	(5.600.000.000)	5.600.000.000	(*)	(5.600.000.000)
	434.314.271.916		(340.618.322.927)	434.314.271.916		(334.421.332.522)

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (\*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023 được xác định bằng cách tham khảo giá niêm yết cổ phiếu.

**(iii) Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn**

Biến động của dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	410.128.845.624	409.691.883.024
Dự phòng trích lập trong năm	6.196.990.405	436.962.600
Số dư cuối năm	<u>416.325.836.029</u>	<u>410.128.845.624</u>

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Phải thu của khách hàng**

**(a) Phải thu khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	61.408.565.384	47.712.205.892
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	55.929.157.290	81.621.820.149
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	53.683.357.283	396.148.320
Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh	49.891.712.167	46.483.714.760
Các khách hàng khác	246.453.972.103	161.638.380.480
	<hr/>	<hr/>
	467.366.764.227	337.852.269.601

**(b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i>Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát</i>		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	61.408.565.384	47.712.205.892
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	55.929.157.290	81.621.820.149
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	53.683.357.283	396.148.320
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	23.156.420.318	18.235.841.934
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	14.541.400.794	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	14.424.596.896	27.720.000
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	4.121.659.864	562.429.272
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	1.592.388.000	1.693.498.004
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	1.122.677.027	-
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	694.010.673	2.305.022.406
Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh	1.719.360	18.737.083
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	-	6.601.241
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	15.520.421.888	17.047.133.954
Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC-Ball Việt Nam	592.810.727	27.976.872
F&N Global Marketing Pte. Ltd.	126.919.035	776.246.103
Công ty TNHH S.A.S. CTAMAD	48.535.322	-





**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Phải thu khác**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu do chênh lệch giữa giá trị của khoản đầu tư và phần vốn góp trong công ty liên kết	277.230.733.543	277.230.733.543
Phải thu lãi tiền gửi	580.854.072.162	433.941.800.973
Phải thu về cổ tức	119.965.992.576	43.976.923.301
Phải thu ngắn hạn khác	46.506.599.095	32.247.650.139
	<b>1.024.557.397.376</b>	<b>787.397.107.956</b>

***Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan***

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b><i>Công ty mẹ cấp trung gian</i></b>		
BeerCo Limited	49.197.000	-
<b><i>Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát</i></b>		
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tân Thành	277.230.733.543	277.230.733.543
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	64.200.000.000	-
Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh	43.802.647.026	40.476.923.301
Công ty TNHH Sản xuất Rượu và Cồn Việt Nam	6.971.692.050	-
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	3.679.866.661	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	2.021.512.801	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	634.992.585	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	512.007.664	857.192.703
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	388.815.441	937.901.548
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	380.140.249	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	223.638.844	6.807.822
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	172.648.858	1.000.910.851
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	166.210.711	1.232.504.912

**(b) Phải thu dài hạn khác**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ký quỹ, ký cược dài hạn	35.152.681.051	38.171.128.871
Phải thu dài hạn khác	-	8.000.000.000
	<b>35.152.681.051</b>	<b>46.171.128.871</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Dự phòng phải thu khó đòi**

**(a) Ngắn hạn**

	Số ngày quá hạn	31/12/2023		Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	1/1/2023		Giá trị có thể thu hồi VND
		Giá gốc VND	Dự phòng VND			Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Phải thu ngắn hạn khác	Trên 4 năm	284.428.344.141	(284.428.344.141)	-	Trên 3 năm	284.428.344.141	(284.428.344.141)	-
Trả trước cho người bán	Trên 4 năm	6.216.712.505	(6.216.712.505)	-	Trên 3 năm	6.219.868.824	(6.219.868.824)	-
Phải thu của khách hàng	Trên 4 năm	4.578.708.940	(4.578.708.940)	-	Trên 3 năm	4.968.014.698	(4.968.014.698)	-
	Từ 6 đến 12 tháng	580.635.000	(580.635.000)	-	Không áp dụng	-	-	-
		295.804.400.586	(295.804.400.586)	-		295.616.227.663	(295.616.227.663)	-

**(b) Dài hạn**

	Số ngày quá hạn	31/12/2023		Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	1/1/2023		Giá trị có thể thu hồi VND
		Giá gốc VND	Dự phòng VND			Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Phải thu dài hạn của khách hàng	Trên 4 năm	5.948.610.516	(5.948.610.516)	-	Trên 3 năm	5.948.610.516	(5.948.610.516)	-
Phải thu dài hạn khác	Trên 4 năm	451.100.000	(451.100.000)	-	Trên 3 năm	8.451.100.000	(8.451.100.000)	-
		6.399.710.516	(6.399.710.516)	-		14.399.710.516	(14.399.710.516)	-

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn và dài hạn trong năm như sau:

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	310.015.938.179	381.548.376.815
Dự phòng trích lập trong năm	580.635.000	112.342.026
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(8.392.462.077)	(191.124.170)
Dự phòng xóa sổ trong năm	-	(71.453.656.492)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	302.204.111.102	310.015.938.179
	<hr/>	<hr/>

## 11. Hàng tồn kho

### (a) Hàng tồn kho

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	199.108.408.976	-	275.661.225.968	-
Nguyên vật liệu	1.013.795.593.509	(17.509.240.895)	646.760.359.805	(21.735.860.324)
Công cụ và dụng cụ	211.486.826.724	(52.464.325.082)	263.477.907.901	(53.759.024.004)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	234.557.963.220	-	231.921.624.124	-
Thành phẩm	719.643.645.770	(4.718.641.940)	838.446.480.017	(2.726.048.079)
Hàng hóa	14.492.262.164	(887.503.638)	16.226.935.999	(752.462.071)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	2.393.084.700.363	(75.579.711.555)	2.272.494.533.814	(78.973.394.478)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có 75.580 triệu VND (1/1/2023: 78.973 triệu VND) hàng tồn kho lỗi thời, hoặc chậm luân chuyển khó tiêu thụ được.



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	78.973.394.478	87.710.082.208
Dự phòng trích lập trong năm	11.453.883.862	12.622.250.849
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(10.650.693.235)	(16.336.007.382)
Dự phòng sử dụng trong năm	(2.291.181.878)	(4.600.840.939)
Chuyển sang dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	(1.905.691.672)	(422.090.258)
	75.579.711.555	78.973.394.478
Số dư cuối năm	75.579.711.555	78.973.394.478

**(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	90.682.803.729	(58.989.826.260)	74.929.732.263	(55.483.500.463)
	90.682.803.729 (58.989.826.260)		74.929.732.263 (55.483.500.463)	

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn trong năm như sau:

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	55.483.500.463	51.727.289.968
Dự phòng trích lập trong năm	8.293.913.089	13.938.781.076
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(6.693.278.964)	(10.604.660.839)
Chuyển từ dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.905.691.672	422.090.258
	58.989.826.260	55.483.500.463
Số dư cuối năm	58.989.826.260	55.483.500.463



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí quảng cáo	142.932.694.839	141.228.156.925
Chi phí thuê	10.839.896.618	15.781.994.109
Công cụ và dụng cụ	13.843.638.728	15.209.943.650
Chi phí trả trước khác	4.615.522.673	9.756.599.404
	<hr/>	<hr/>
	172.231.752.858	181.976.694.088
	<hr/>	<hr/>

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bao bì luân chuyển	192.507.450.988	37.675.092.876
Chi phí đất trả trước	229.209.631.772	227.179.123.604
Quyền sử dụng đất chờ bàn giao (*)	51.602.316.000	51.602.316.000
Công cụ và dụng cụ	29.033.969.285	26.046.425.359
Chi phí trả trước khác	47.951.030.421	40.948.310.024
	<hr/>	<hr/>
	550.304.398.466	383.451.267.863
	<hr/>	<hr/>

(\*) Quyền sử dụng đất chờ bàn giao phản ánh tiền thuế đất phải trả cho Nhà nước (Thuyết minh 22(b)).

Biến động của chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	383.451.267.863	263.131.483.984
Tăng trong năm	280.065.224.269	212.893.881.171
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	8.949.693.943	9.672.946.441
Phân bổ trong năm	(127.484.787.186)	(99.407.099.148)
Chuyển từ/(sang) tài sản cố định hữu hình	3.143.514.936	(2.839.944.585)
Chuyển từ chi phí trả trước ngắn hạn	2.179.484.641	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	550.304.398.466	383.451.267.863
	<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	2.201.445.261.235	8.817.189.366.741	239.476.610.325	171.996.538.981	9.972.781.641	11.440.080.558.923
Tăng trong năm	2.456.953.522	26.049.931.976	1.308.181.818	4.492.046.746	-	34.307.114.062
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	3.034.527.092	31.348.497.230	109.789.493	951.008.220	-	35.443.822.035
Chuyển từ bất động sản đầu tư	5.374.645.816	-	-	-	-	5.374.645.816
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(2.280.037.663)	(863.477.273)	-	-	-	(3.143.514.936)
Phân loại lại	-	(406.808.331)	-	406.808.331	-	-
Thanh lý	(674.124.101)	(16.354.064.804)	(4.749.758.237)	(1.967.351.793)	-	(23.745.298.935)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.209.357.225.901</b>	<b>8.856.963.445.539</b>	<b>236.144.823.399</b>	<b>175.879.050.485</b>	<b>9.972.781.641</b>	<b>11.488.317.326.965</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	1.271.919.935.121	6.433.084.220.444	207.897.643.646	149.543.012.413	8.654.114.064	8.071.098.925.688
Khấu hao trong năm	93.835.138.089	431.288.782.706	10.426.975.293	10.045.533.227	471.741.096	546.068.170.411
Chuyển từ bất động sản đầu tư	5.286.669.463	-	-	-	-	5.286.669.463
Phân loại lại	-	(16.852.808)	-	16.852.808	-	-
Thanh lý	(674.124.101)	(16.354.064.804)	(4.749.758.237)	(1.967.351.793)	-	(23.745.298.935)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.370.367.618.572</b>	<b>6.848.002.085.538</b>	<b>213.574.860.702</b>	<b>157.638.046.655</b>	<b>9.125.855.160</b>	<b>8.598.708.466.627</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	929.525.326.114	2.384.105.146.297	31.578.966.679	22.453.526.568	1.318.667.577	3.368.981.633.235
Số dư cuối năm	838.989.607.329	2.008.961.360.001	22.569.962.697	18.241.003.830	846.926.481	2.889.608.860.338



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 4.170.864 triệu VND (1/1/2023: 3.868.048 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng và chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 135.359 triệu VND (1/1/2023: 70.821 triệu VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình Tập đoàn cho các công ty liên kết thuê có thu phí tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là không (1/1/2023: 61.027 triệu VND).

#### **14. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	<b>Nhà cửa và vật kiến trúc VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	173.582.726.065
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	11.320.924.101
Khấu hao trong năm	5.230.553.541
Số dư cuối năm	16.551.477.642
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	162.261.801.964
Số dư cuối năm	157.031.248.423

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất (*) VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tài sản khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	1.024.181.907.580	79.860.911.691	104.000.000	1.104.146.819.271
Tăng trong năm	-	716.661.468	-	716.661.468
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	9.848.259.765	-	9.848.259.765
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.024.181.907.580</b>	<b>90.425.832.924</b>	<b>104.000.000</b>	<b>1.114.711.740.504</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	103.919.108.395	76.384.998.344	104.000.000	180.408.106.739
Khấu hao trong năm	6.660.390.149	4.559.232.762	-	11.219.622.911
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>110.579.498.544</b>	<b>80.944.231.106</b>	<b>104.000.000</b>	<b>191.627.729.650</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	920.262.799.185	3.475.913.347	-	923.738.712.532
Số dư cuối năm	913.602.409.036	9.481.601.818	-	923.084.010.854

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 77.771 triệu VND (1/1/2023: 67.697 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình không còn sử dụng và chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 304 triệu VND (1/1/2023: 304 triệu VND).

- (\*) Trong quyền sử dụng đất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các quyền sử dụng đất với giá trị là 735.380 triệu VND được Tập đoàn ghi nhận theo giá tạm tính tăng thêm vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 và Biên bản Quyết toán Cổ phần hóa do Ban Quyết toán Cổ phần hóa gồm các đại diện từ Bộ Công thương và Bộ Tài chính thực hiện tại ngày 30 tháng 4 năm 2008, lập vào ngày 6 tháng 3 năm 2010. Tập đoàn đã ghi nhận tăng giá trị quyền sử dụng đất này vào tài khoản “Tài sản cố định vô hình”, đồng thời ghi tăng tương ứng một khoản phải trả Nhà nước trên tài khoản “Phải trả ngắn hạn khác” (Thuyết minh 22(a)).

Các khu đất này đã được Bộ Công thương giao cho Tập đoàn quản lý và sử dụng theo quy hoạch của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đang trong quá trình làm việc với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để lập hợp đồng thuê đất. Hiện tại, Tập đoàn đang sử dụng các quyền sử dụng đất này cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các quyền sử dụng đất này chỉ có tính tạm thời, Tập đoàn không được tự ý chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê lại hay thế chấp các quyền sử dụng đất này.



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Chi tiết giá trị quyền sử dụng đất theo giá trị tạm tính được xác định tại ngày 6 tháng 3 năm 2010 như sau:

<b>STT</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Diện tích m<sup>2</sup></b>	<b>Giá trị định giá khi xác định giá trị doanh nghiệp VND</b>
1	46 Bến Vân Đồn, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	3.872,5	55.241.212.500
2	187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	17.406,1	418.634.111.100
3	474 Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	7.729,0	247.637.160.000
4	18/3B Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	2.216,3	13.867.389.100
			735.379.872.700

Tập đoàn chưa trích khấu hao giá trị của các quyền sử dụng đất này do thời gian sử dụng chưa được xác định một cách đáng tin cậy tại ngày lập báo cáo tài chính. Trong năm, Tập đoàn cũng đã hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất chi phí thuê đất và thuế sử dụng đất là 44.857 triệu VND (2022: 29.947 triệu VND) theo thông báo nộp thuế sử dụng đất của các chi cục thuế địa phương.

001  
CHI  
ĐÓN  
K  
VH PT



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Bất động sản đầu tư**

	<b>Bất động sản đầu tư cho thuê</b>		<b>Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá</b>	<b>Tổng VND</b>
	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Nhà cửa và vật kiến trúc VND</b>	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	27.812.438.744	141.612.101.345	13.511.310.895	182.935.850.984
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	133.537.416.917	-	133.537.416.917
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(5.374.645.816)	-	(5.374.645.816)
Số dư cuối năm	27.812.438.744	269.774.872.446	13.511.310.895	311.098.622.085
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	9.720.129.042	16.935.823.014	3.150.911.918	29.806.863.974
Khấu hao trong năm	606.038.092	6.907.637.402	-	7.513.675.494
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(5.286.669.463)	-	(5.286.669.463)
Số dư cuối năm	10.326.167.134	18.556.790.953	3.150.911.918	32.033.870.005
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	18.092.309.702	124.676.278.331	10.360.398.977	153.128.987.010
Số dư cuối năm	17.486.271.610	251.218.081.493	10.360.398.977	279.064.752.080

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì Tập đoàn không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý.



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	<b>Thuế suất</b>	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận trên:			
▪ Chi phí phải trả và các khoản dự phòng	20%	75.764.978.027	82.836.932.862
▪ Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	20%	61.171.007.842	56.440.548.637
▪ Lãi chưa thực hiện	20%	36.318.967.688	40.671.418.069
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho, thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn	20%	25.404.880.205	24.150.582.076
▪ Dự phòng phải thu khó đòi	20%	68.345.726	1.672.286.338
▪ Các khoản khác	20%	7.691.565.034	2.687.050.079
		206.419.744.522	208.458.818.061
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả ghi nhận trên:			
▪ Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	20%	49.057.251.548	34.353.293.866
▪ Công cụ và dụng cụ	20%	1.735.509.047	2.203.943.655
		50.792.760.595	36.557.237.521





**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Phải trả người bán**

**(a) Phải trả người bán ngắn hạn**

**(i) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	<b>Giá gốc/Số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	340.029.230.853	305.360.233.763
Công ty Cổ Phần Hanacans	190.695.559.901	304.818.946.067
Các nhà cung cấp khác	1.945.648.016.084	2.156.100.851.761
	<hr/>	<hr/>
	<b>2.476.372.806.838</b>	<b>2.766.280.031.591</b>

**(ii) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>Giá gốc/Số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b><i>Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát</i></b>		
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	340.029.230.853	305.360.233.763
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	42.265.734.352	22.886.473.799
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	23.721.022.787	4.994.118.630
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	22.880.091.999	41.300.276.271
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	20.065.301.363	5.279.828.400
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	16.318.251.791	11.062.497.600
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	14.542.263.749	6.734.475.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	13.375.869.188	15.170.889.800
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	11.047.322.230	2.798.730.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	9.769.995.674	10.029.404.000
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	9.736.707.168	227.050.024
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	7.531.158.800	6.599.377.008
<b><i>Các bên liên quan khác</i></b>		
Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC-Ball Việt Nam	193.898.011.154	214.422.322.551
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	1.013.401.146	194.577.349
Fraser & Neave (Malaya) Sdn Bhd	-	865.316.841

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải trả người bán dài hạn**

*Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn*

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Krones AG	-	119.960.956.800
Các nhà cung cấp khác	100.000.000	100.000.000
	<hr/>	<hr/>
	100.000.000	120.060.956.800
	<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Thuế phải nộp/phải thu Nhà nước**

**(a) Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2023 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã cân trừ trong năm VND	Phân loại lại sang thuế phải thu VND	31/12/2023 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.008.651.110.119	8.871.917.712.802	(9.041.549.818.574)	-	-	839.019.004.347
Thuế thu nhập doanh nghiệp	349.173.660.448	1.099.082.811.973	(1.099.769.434.435)	(1.537.857.641)	40.765.796	346.989.946.141
Thuế giá trị gia tăng	239.800.238.740	15.285.903.064.394	(1.936.511.181.787)	(13.443.940.324.331)	-	145.251.797.016
Thuế thu nhập cá nhân	15.108.109.964	117.750.546.206	(119.529.746.190)	(453.562.640)	622.449.342	13.497.796.682
Thuế xuất nhập khẩu	-	9.602.187.035	(9.602.187.035)	-	-	-
Các loại thuế khác	8.284.937.686	204.008.663.648	(191.100.464.417)	(8.399.087.947)	963.044.678	13.757.093.648
	1.621.018.056.957	25.588.264.986.058	(12.398.062.832.438)	(13.454.330.832.559)	1.626.259.816	1.358.515.637.834



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Thuế phải thu Nhà nước**

	1/1/2023 VND	Số đã cân trừ trong năm VND	Phân loại lại từ thuế phải nộp VND	31/12/2023 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.696.305.444	(1.537.857.641)	40.765.796	199.213.599
Thuế thu nhập cá nhân	640.448.151	(453.562.640)	622.449.342	809.334.853
Thuế xuất nhập khẩu	2.082.000	-	-	2.082.000
Các loại thuế khác	20.663.354.497	(8.399.087.947)	963.044.678	13.227.311.228
	23.002.190.092	(10.390.508.228)	1.626.259.816	14.237.941.680

**21. Chi phí phải trả**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	378.785.149.667	451.188.293.275
Chi phí lãi vay	12.972.502.687	16.492.560.977
Chi phí phải trả khác	94.419.762.414	46.586.409.091
	486.177.414.768	514.267.263.343

Không có chi phí lãi vay phải trả được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (1/1/2023: 2.588 triệu VND).

**22. Phải trả khác**

**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Phải trả Nhà nước cho phần đánh giá lại quyền sử dụng đất khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (*)	735.379.872.700	735.379.872.700
Nhận ký quỹ ngắn hạn	110.819.225.846	102.232.625.059
Cổ tức phải trả	1.976.916.845.051	2.293.425.159.012
Phải trả ngắn hạn khác	75.580.155.050	73.048.588.074
	2.898.696.098.647	3.204.086.244.845

(\*) Phải trả Nhà nước cho phần đánh giá lại quyền sử dụng đất khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa được ghi nhận theo Biên bản Quyết toán Cổ phần hóa do Ban Quyết toán Cổ phần hóa, đại diện của Bộ Công thương và Bộ Tài chính, lập ngày 6 tháng 3 năm 2010 (Thuyết minh 15).



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

***Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan***

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b><i>Công ty mẹ cấp cao nhất</i></b>		
Thai Beverage Public Company Limited	1.267.545.263	485.483.412
<b><i>Công ty mẹ cấp trung gian</i></b>		
BeerCo Limited	12.133.885.468	2.789.159.001
<b><i>Công ty mẹ</i></b>		
Công ty TNHH Vietnam Beverage	1.030.927.761.000	1.202.749.054.500
<b><i>Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát</i></b>		
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư - Thiết kế và Chuyên giao Công nghệ Thành Nam	340.000.000	340.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	287.780.949	1.765.382.715
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	5.977.173	173.579.908
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	-	1.149.981.557
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	-	1.126.841.511
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	-	275.548.580
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	-	3.867.537
<b><i>Các bên liên quan khác</i></b>		
Chang International Co., Ltd	800.960.616	242.690.389
Thipchalothorn Co., Ltd	32.597.100	-

**(b) Phải trả dài hạn khác**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền thuê đất phải trả Nhà nước (Thuyết minh 12(b))	51.602.316.000	51.602.316.000
Nhận ký quỹ dài hạn	4.122.753.062	3.819.397.745
	<b>55.725.069.062</b>	<b>55.421.713.745</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Vay và nợ thuê tài chính**

**(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	1/1/2023	Biến động trong năm		31/12/2023
	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	634.982.674.652	4.130.545.304.850	(4.236.627.979.502)	528.900.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 23(b))	22.474.940.583	44.949.881.167	(67.424.821.750)	-
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh (23(b)))	1.168.200.086	16.162.726.917	(16.101.530.820)	1.229.396.183
	658.625.815.321	4.191.657.912.934	(4.320.154.332.072)	530.129.396.183

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền tệ	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng	VND	198.000.000.000	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi	VND	120.000.000.000	119.961.278.869
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi	VND	116.500.000.000	199.800.000.000
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Mỹ Đình	VND	47.600.000.000	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quang Minh	VND	29.800.000.000	18.000.000.000
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4	VND	17.000.000.000	-
▪ Ngân hàng Bangkok Đại chúng Trách nhiệm Hữu hạn – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	-	155.749.287.000
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân	VND	-	58.257.450.063
▪ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Phạm Hùng	VND	-	49.734.282.814
▪ Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	-	19.980.375.906
▪ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	VND	-	13.500.000.000
		528.900.000.000	634.982.674.652



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản vay ngắn hạn bằng VND chịu lãi suất từ 2,80% đến 3,50% một năm (1/1/2023: từ 6,00% đến 8,30% một năm).

**(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn (i)	-	224.849.643.497
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	172.057.810.338	173.226.010.422
	172.057.810.338	398.075.653.919
Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	(22.474.940.583)
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(1.229.396.183)	(1.168.200.086)
	(1.229.396.183)	(23.643.140.669)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	170.828.414.155	374.432.513.250

**(i) Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền tệ	Năm đáo hạn	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
▪ Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	2026	-	134.849.643.497
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4	VND	2027	-	90.000.000.000
			-	224.849.643.497

Các khoản vay dài hạn này đã được tất toán trước hạn trong năm.

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Nợ thuê tài chính**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không được hủy ngang như sau:

	31/12/2023			1/1/2023		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng một năm	16.101.530.820	14.872.134.637	1.229.396.183	16.101.530.820	14.933.330.734	1.168.200.086
Trong vòng hai đến năm năm	64.406.123.280	58.119.444.837	6.286.678.443	64.406.123.280	58.639.889.965	5.766.233.315
Sau năm năm	402.538.270.500	237.996.534.788	164.541.735.712	418.639.801.319	252.348.224.298	166.291.577.021
	483.045.924.600	310.988.114.262	172.057.810.338	499.147.455.419	325.921.444.997	173.226.010.422

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## **24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	222.390.315.200	238.251.448.078
Trích lập trong năm (Thuyết minh 26)	116.321.315.199	121.347.892.894
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 26)	26.095.230.321	(40.710.637.133)
Sử dụng trong năm	(170.436.364.996)	(96.498.388.639)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	194.370.495.724	222.390.315.200

## **25. Dự phòng phải trả dài hạn**

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	73.894.862.951	81.358.128.695
Dự phòng trích lập trong năm	7.205.619.112	686.788.031
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(4.695.960.569)	(1.040.697.100)
Dự phòng sử dụng trong năm	(6.992.270.664)	(7.109.356.675)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	69.412.250.830	73.894.862.951



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích của chủ sở hữu Tổng Công ty VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022</b>	6.412.811.860.000	3.208.666.226	27.339.292.861	1.122.241.373.127	13.655.871.142.263	21.221.472.334.477	1.373.313.368.684	22.594.785.703.161
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	5.223.851.427.095	5.223.851.427.095	275.946.550.189	5.499.797.977.284
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	(104.662.591.910)	(104.662.591.910)	(16.685.300.984)	(121.347.892.894)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	34.660.971.609	34.660.971.609	6.049.665.524	40.710.637.133
Cổ tức trả bằng tiền (Thuyết minh 29)	-	-	-	-	(3.206.405.930.000)	(3.206.405.930.000)	(187.069.103.338)	(3.393.475.033.338)
Chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ	-	-	9.797.080.186	-	-	9.797.080.186	-	9.797.080.186
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	-	(38.505.523.976)	(38.505.523.976)	(1.062.271.314)	(39.567.795.290)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	-	-	86.174.791	86.174.791	59.068.360	145.243.151
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>	6.412.811.860.000	3.208.666.226	37.136.373.047	1.122.241.373.127	15.564.895.669.872	23.140.293.942.272	1.450.551.977.121	24.590.845.919.393

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích của chủ sở hữu Tổng Công ty VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023</b>	6.412.811.860.000	3.208.666.226	37.136.373.047	1.122.241.373.127	15.564.895.669.872	23.140.293.942.272	1.450.551.977.121	24.590.845.919.393
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	4.117.605.068.688	4.117.605.068.688	137.447.927.021	4.255.052.995.709
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	(100.704.276.928)	(100.704.276.928)	(15.617.038.271)	(116.321.315.199)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	(22.040.207.391)	(22.040.207.391)	(4.055.022.930)	(26.095.230.321)
Cổ phiếu thưởng (Thuyết minh 29)	6.412.811.860.000	-	-	-	(6.412.811.860.000)	-	-	-
Cổ tức bằng tiền (Thuyết minh 29)	-	-	-	-	(2.885.765.337.000)	(2.885.765.337.000)	(151.819.075.102)	(3.037.584.412.102)
Chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ	-	-	6.817.828.252	-	-	6.817.828.252	-	6.817.828.252
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	-	(22.402.818.968)	(22.402.818.968)	(790.976.515)	(23.193.795.483)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	-	-	157.659.392	157.659.392	132.394.526	290.053.918
Thay đổi tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát (Thuyết minh 5)	-	-	-	-	(21.649.847.484)	(21.649.847.484)	(143.004.301.816)	(164.654.149.300)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	<b>12.825.623.720.000</b>	<b>3.208.666.226</b>	<b>43.954.201.299</b>	<b>1.122.241.373.127</b>	<b>10.217.284.050.181</b>	<b>24.212.312.010.833</b>	<b>1.272.845.884.034</b>	<b>25.485.157.894.867</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## 27. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2023		1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	1.282.562.372	12.825.623.720.000	641.281.186	6.412.811.860.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	1.282.562.372	12.825.623.720.000	641.281.186	6.412.811.860.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn, các quyền lợi của các cổ phiếu đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động của vốn cổ phần trong năm như sau:

	2023		2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	641.281.186	6.412.811.860.000	641.281.186	6.412.811.860.000
Phát hành cổ phiếu thường	641.281.186	6.412.811.860.000	-	-
Số dư cuối năm	1.282.562.372	12.825.623.720.000	641.281.186	6.412.811.860.000

## 28. Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Không có biến động Quỹ đầu tư và phát triển trong năm.





**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Cổ phiếu thưởng và cổ tức bằng tiền**

Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty ngày 22 tháng 8 năm 2023 quyết định tăng vốn cổ phần bằng việc phát hành cổ phiếu thưởng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Tỷ lệ phát hành là 1:1 và số lượng cổ phiếu mới là 641.281.186 có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu (2022: Không).

Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty ngày 10 tháng 5 năm 2023 và ngày 4 tháng 12 năm 2023 quyết định chia cổ tức cho các cổ đông là 961.922 triệu VND (tương đương 1.500 VND/cổ phiếu) và 1.923.843 triệu VND (tương đương 1.500 đồng/cổ phiếu), từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của các năm trước (2022: 3.206.406 triệu VND, tương đương 5.500 VND/cổ phiếu).

**30. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Trong vòng một năm	253.934.913.246	225.062.100.817
Trong vòng hai đến năm năm	298.147.891.422	326.669.667.463
Sau năm năm	440.669.147.610	419.873.433.558
	992.751.952.278	971.605.201.838

**(b) Tài sản, nguyên vật liệu và hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba**

	Đơn vị	31/12/2023	1/1/2023
Bia	thùng/két	3.660.033	4.320.242
Két nhựa	cái	107.379	29.805
Nước giải khát	thùng/két	21.318	167.896

**(c) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	522.215	12.578.215.875	204.406	4.785.158.964
EUR	4.359	115.189.513	1.371	33.937.446
AUD	828	13.576.957	838	13.204.025
		12.706.982.345		4.832.300.435

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	89.469.062.639	122.437.311.161

**31. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán bia	26.923.335.647.669	30.600.241.088.454
▪ Doanh thu bán nguyên vật liệu	3.419.079.837.272	4.234.476.864.391
▪ Doanh thu bán nước giải khát	121.969.337.649	171.441.602.260
▪ Doanh thu bán cồn và rượu	51.639.844.884	57.164.680.586
▪ Doanh thu khác	190.735.423.215	172.574.888.090
	30.706.760.090.689	35.235.899.123.781
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	234.124.908.263	244.043.598.902
▪ Hàng bán bị trả lại	11.267.900.211	12.771.531.044
	245.392.808.474	256.815.129.946
Doanh thu thuần	30.461.367.282.215	34.979.083.993.835

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Giá vốn bia đã bán	17.755.201.404.635	19.772.096.905.685
▪ Giá vốn nguyên vật liệu đã bán	3.423.775.394.518	4.229.718.951.023
▪ Giá vốn nước giải khát đã bán	93.978.648.486	134.076.918.348
▪ Giá vốn cồn và rượu đã bán	49.883.352.225	50.654.309.212
▪ Giá vốn khác	47.165.978.116	21.829.982.483
	21.370.004.777.980	24.208.377.066.751

**33. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu nhập từ lãi tiền gửi ngân hàng	1.389.919.841.268	1.023.929.564.017
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	41.183.584.850	64.016.836.334
Thu nhập từ cổ tức	1.456.542.000	2.602.196.200
Doanh thu hoạt động tài chính khác	8.552.236	12.166.096
	1.432.568.520.354	1.090.560.762.647

**34. Chi phí tài chính**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	50.214.725.919	45.517.297.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	16.862.534.322	36.019.062.129
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	6.196.990.405	436.962.600
Chi phí tài chính khác	159.432.035	19.795.301
	73.433.682.681	81.993.117.030



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**35. Chi phí bán hàng**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	2.813.915.372.738	3.067.916.950.856
Chi phí nhân viên	1.002.362.614.119	888.213.668.314
Chi phí thuê	175.747.335.919	144.950.305.651
Chi phí vận chuyển	78.831.229.420	30.397.825.123
Chi phí bao bì luân chuyển	49.653.453.731	59.889.929.259
Chi phí khấu hao và phân bổ	29.494.593.306	28.036.723.004
Chi phí bán hàng khác	329.223.240.348	312.662.870.932
	<hr/>	<hr/>
	4.479.227.839.581	4.532.068.273.139
	<hr/>	<hr/>

**36. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	474.323.461.012	416.173.686.311
Chi phí thuê	71.294.599.828	64.114.164.821
Chi phí khấu hao và phân bổ	24.962.456.814	23.249.063.129
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	230.111.102.281	237.128.746.207
	<hr/>	<hr/>
	800.691.619.935	740.665.660.468
	<hr/>	<hr/>

**37. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	7.257.576.280.580	7.461.216.523.155
Chi phí nhân công và nhân viên	1.885.467.873.714	1.736.598.759.810
Chi phí khấu hao và phân bổ	570.032.022.357	561.105.325.398
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.200.413.292.415	4.533.881.056.404
Chi phí khác	619.071.592.457	522.704.798.166
	<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**38. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Năm hiện hành	1.086.023.220.161	1.321.034.937.188
Dự phòng thiếu trong những năm trước	13.059.591.812	2.947.281.538
	<hr/> 1.099.082.811.973	<hr/> 1.323.982.218.726
<b>Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	16.274.596.613	(10.362.877.048)
	<hr/> 1.115.357.408.586	<hr/> 1.313.619.341.678

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.370.410.404.295	6.813.417.318.962
	<hr/> 1.074.082.080.859	<hr/> 1.362.683.463.792
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	1.074.082.080.859	1.362.683.463.792
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng		
đối với các công ty con	(6.126.525.328)	(15.744.373.190)
Ưu đãi thuế	(2.278.033.847)	(10.322.653.997)
Thu nhập không chịu thuế	(46.702.087.331)	(65.144.311.495)
Chi phí không được khấu trừ thuế	40.380.077.482	34.123.076.905
Thay đổi trong tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
không được ghi nhận	37.793.687.280	7.004.440.892
Dự phòng thiếu trong những năm trước	13.059.591.812	2.947.281.538
Các khoản khác	5.148.617.659	(1.927.582.767)
	<hr/> 1.115.357.408.586	<hr/> 1.313.619.341.678

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 20% trên lợi nhuận chịu thuế. Các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất từ 10% đến 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**39. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b> <b>(Đã điều chỉnh lại)</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	4.117.605.068.688	5.223.851.427.095
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(100.704.276.928)	(126.702.799.301)
<b>Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông</b>	<b>4.016.900.791.760</b>	<b>5.097.148.627.794</b>

Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được ước tính dựa vào số kế hoạch được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được điều chỉnh lại theo số thực trích theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>2023</b> <b>Số cổ phiếu</b>	<b>2022</b> <b>Số cổ phiếu</b> <b>(Đã điều chỉnh lại)</b>
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	641.281.186	641.281.186
Ảnh hưởng của việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	641.281.186	641.281.186
<b>Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông</b>	<b>1.282.562.372</b>	<b>1.282.562.372</b>

**(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b> <b>Được điều chỉnh lại (*)</b>	<b>2022</b> <b>VND</b> <b>Theo báo cáo trước đây</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.132	3.974	7.983

(\*) Việc điều chỉnh lại phản ánh ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức sau kỳ kế toán năm và điều chỉnh số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi như đề cập ở trên.

04  
 NI  
 P  
 HC



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**40. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, trong năm, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
<b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b>		
<b>Thai Beverage Public Company Limited</b>		
Chi hộ Tập đoàn	1.267.545.263	938.472.331
<b>Công ty mẹ cấp trung gian</b>		
<b>BeerCo Limited</b>		
Chi hộ Tập đoàn	16.590.451.838	12.283.947.646
Giao dịch khác	111.744.000	-
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Công ty TNHH Vietnam Beverage</b>		
Bán thành phẩm	-	6.662.880
Cổ tức	1.546.391.641.500	1.718.212.935.000
<b>Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát</b>		
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa</b>		
Bán nguyên vật liệu	295.466.785.546	277.210.617.190
Cung cấp dịch vụ	-	50.400.000
Bán thành phẩm	-	94.473.400
Mua hàng hóa	778.055.911.200	687.039.271.270
Mua nguyên vật liệu	687.869.923	-
Giao dịch khác	93.981.918	115.579.743
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang</b>		
Bán hàng hóa	32.791.500	-
Bán nguyên vật liệu	325.563.423.603	426.200.166.761
Cung cấp dịch vụ	6.378.912	160.968.241
Bán công cụ và dụng cụ	-	4.198.000
Mua hàng hóa	879.507.165.000	1.134.943.493.990
Mua vật liệu bao bì	558.857.740	99.246.875
Giao dịch khác	180.400.179	53.541.966
Chi phí thuê kho	41.248.000	-
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ</b>		
Bán thành phẩm	7.173.000	-
Bán nguyên vật liệu	165.114.725.959	273.511.135.232
Cung cấp dịch vụ	421.672.000	47.600.000
Mua hàng hóa	488.674.820.020	656.439.445.070
Cổ tức đã nhận	2.115.900.000	6.347.700.000
Giao dịch khác	135.876.714	95.461.677

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung</b>		
Bán thành phẩm	-	233.380.000
Bán nguyên vật liệu	344.450.537.598	476.504.344.503
Cung cấp dịch vụ	1.018.917.000	582.211.991
Bán công cụ và dụng cụ	139.916.000	177.125.000
Mua hàng hóa	1.073.382.319.260	1.417.094.941.070
Mua nguyên vật liệu	1.228.498.719	1.711.060.750
Mua dịch vụ	100.000.000	-
Chi phí thuê kho	743.291.259	918.607.770
Cổ tức đã nhận	43.527.333.500	33.854.670.500
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	158.814.480	46.869.072
Giao dịch khác	22.006.976	308.747.843
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long</b>		
Bán hàng hóa	129.486.611	63.680.311
Bán nguyên vật liệu	342.787.576.481	419.398.830.067
Cung cấp dịch vụ	-	3.235.716.196
Mua hàng hóa	849.780.900.170	1.097.108.428.970
Mua vật liệu bao bì	554.592.332	-
Cổ tức đã nhận	4.500.000.000	7.500.000.000
Giao dịch khác	110.277.456	9.049.697
<b>Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây</b>		
Bán hàng hóa khác	141.340.500	37.694.000
Bán nguyên vật liệu	662.728.097.085	715.673.570.927
Cung cấp dịch vụ	5.736.452.754	6.291.233.462
Mua hàng hóa	1.756.634.387.300	1.886.988.653.950
Mua vật liệu bao bì	3.847.827.825	-
Chi phí thuê kho	170.182.007	-
Cổ tức đã nhận	9.706.300.732	9.706.300.732
Cổ tức	-	3.866.721.000
Giao dịch khác	-	446.055.216
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu</b>		
Bán thành phẩm	135.330.000	135.027.000
Bán hàng hóa khác	33.295.500	46.746.000
Bán nguyên vật liệu	49.348.198.953	66.411.900.714
Cung cấp dịch vụ	665.243.578	2.153.547.847
Mua hàng hóa	276.598.490.120	328.820.709.400
Mua nguyên vật liệu	545.913.300	314.350.000
Mua dịch vụ	-	860.403.596
Chi phí thuê kho	110.918.843	-
Cổ tức đã nhận	2.402.400.000	-
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	-	1.568.053.707
Thu nhập từ hỗ trợ bán hàng	1.474.433.333	-



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô</b>		
Bán thành phẩm	498.687.960	239.219.780
Bán nguyên vật liệu	214.729.785.873	288.114.957.233
Bán công cụ và dụng cụ	284.019.468	217.235.000
Cung cấp dịch vụ	93.400.000	68.800.000
Mua hàng hóa	596.434.545.450	784.675.703.760
Mua nguyên vật liệu	-	195.398.652
Mua vật liệu bao bì	2.871.946.875	75.936.000
Chi phí thuê kho	200.920.046	-
Cổ tức đã nhận	6.983.307.000	10.474.960.500
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	111.326.484	-
<b>Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam</b>		
Bán hàng hóa	530.656.425	-
Cung cấp dịch vụ	-	50.000.000
Bán phế liệu	1.744.439.225	2.604.401.129
Mua vật liệu bao bì	67.252.307.280	11.224.105.758
Cổ tức đã nhận	64.200.000.000	-
<b>Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh</b>		
Bán thành phẩm	34.374.535	52.173.330
Mua dịch vụ	8.039.704.613	6.366.069.000
Cổ tức đã nhận	43.802.647.026	76.929.654.084
<b>Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ</b>		
Bán thành phẩm	16.546.000	-
Bán nguyên vật liệu	-	446.703.600
Mua vật liệu bao bì	73.230.314.000	97.339.738.000
Cổ tức đã nhận	-	7.344.805.800
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	12.938.182	314.133.644
Giao dịch khác	31.185.234	14.940.000
<b>Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn</b>		
Bán nguyên vật liệu và hàng hóa khác	-	67.951.518
Cung cấp dịch vụ	-	766.032.852
Mua vật liệu bao bì	2.209.415.318.856	2.654.739.461.213
Mua khác	3.209.834.287	9.249.359.585
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	2.562.282.644	-
Giao dịch khác	-	23.222.000



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre</b>		
Bán thành phẩm	74.214.000	239.286.000
Bán nguyên vật liệu	330.086.946.844	416.746.033.180
Bán công cụ và dụng cụ	162.200.000	257.920.000
Cung cấp dịch vụ	192.610.000	34.000.000
Mua hàng hóa	915.125.207.400	1.169.420.458.490
Mua nguyên vật liệu	-	97.214.574
Phí thuê xe	120.920.578	-
Cổ tức đã nhận	1.000.000.000	3.000.000.000
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	189.150.369	-
<b>Công ty TNHH Sản xuất Rượu và Cồn Việt Nam</b>		
Cổ tức đã nhận	18.279.859.500	-
<b>Công ty Cổ phần xây dựng Công nghiệp và Cơ khí</b>		
Bán thành phẩm	-	122.648.300
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC-Ball Việt Nam</b>		
Bán thành phẩm	110.487.265	31.646.400
Cung cấp dịch vụ	10.134.638.440	1.743.904.000
Mua vật liệu bao bì	1.443.551.707.367	1.429.658.932.761
Giao dịch khác	173.910.751	3.043.137.416
<b>S.A.S. CTAMAD Co., Ltd</b>		
Bán thành phẩm	304.656.260	-
Mua khác	38.732.482	59.672.970
Chi hộ Tập đoàn	29.249.994	-
<b>Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)</b>		
Bán thành phẩm	178.882.188.065	74.658.239.269
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	3.752.523.258	13.913.803.770
Mua hàng hóa	1.063.451.283	1.258.897.112
Chi hộ Tập đoàn	42.486.605	-
<b>Fraser and Neave, Limited</b>		
Chi hộ Tập đoàn	-	46.567.151
<b>Thipchalothorn Co., Ltd.</b>		
Bán thành phẩm	293.015.812	390.089.520
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	48.988.870	125.445.992
<b>Chang International Co., Ltd</b>		
Chi hộ Tập đoàn	800.594.316	3.610.841.300

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chang Beer Co., Ltd.</b>		
Chi hộ Tập đoàn	1.082.366.141	3.640.908.349
<b>F&amp;N Global Marketing Pte. Ltd.</b>		
Thu nhập từ hỗ trợ bán hàng	867.208.502	1.091.737.849
<b>Fraser &amp; Neave (Malaya) Sdn Bhd</b>		
Mua hàng hóa	337.788.216	1.065.935.109
<b>C.A.I Co., Ltd.</b>		
Mua dịch vụ	759.058.000	732.415.000
<b>Dhospaak Co., Ltd.</b>		
Mua dịch vụ	164.402.411	45.051.141
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
<i>Lương, thưởng và thù lao</i>		
Ông Koh Poh Tiong – Chủ tịch	-	-
Ông Pramoad Phornprapha – Thành viên	676.000.000	676.000.000
Ông Nguyễn Tiến Vy – Thành viên	988.000.000	988.000.000
Ông Michael Chye Hin Fah – Thành viên	838.000.000	676.000.000
Bà Trần Kim Nga – Thành viên	838.000.000	676.000.000
Ông Lê Thanh Tuấn – Thành viên	838.000.000	676.000.000
Bà Ngô Minh Châu – Thành viên	838.000.000	676.000.000
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>		
Lương và thưởng	31.119.357.392	32.099.546.562
<b>Ủy ban Kiểm toán</b>		
Thù lao	1.014.000.000	1.014.000.000

**41. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang nhưng chưa thanh toán	191.066.890.050	231.824.368.575

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**42. Thông tin so sánh**

Ngoại trừ lỗi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh lại như được trình bày ở Thuyết minh 39, các thông tin so sánh khác tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2022.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Hoàng Thanh Vân  
Kế toán

Người duyệt:



Trần Nguyên Trung  
Kế toán trưởng



Koo Liang Kwee  
Phó Tổng Giám đốc

Tan Teck Chuan Lester  
Tổng Giám đốc